

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH LINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *1839* /UBND-LĐTĐBXH

Vĩnh Linh, ngày *10* tháng 10 năm 2022

V/v tổ chức đánh giá xã,  
thị trấn phù hợp với trẻ em  
theo Kế hoạch số 96/KH-UBND  
ngày 30/10/2020 của UBND huyện

Kính gửi:

- Phòng Lao động – Thương binh & Xã hội;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

Thực hiện Công văn số 2501/SLĐTĐBXH-BTXH-TE ngày 28/9/2022 của Sở Lao động – Thương binh & Xã hội tỉnh về việc đánh giá xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em; Kế hoạch số 96/KH-UBND ngày 30/10/2020 của UBND huyện triển khai thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 03/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành quy định tiêu chuẩn, trình tự đánh giá và công nhận xã, thị trấn phù hợp với trẻ em trên địa bàn huyện. Theo đó, thời gian đánh giá xã, thị trấn phù hợp với trẻ em trên địa bàn huyện được thực hiện vào tháng 11 năm 2022 và tháng 11 năm 2024 (của Kế hoạch phát triển kinh tế 5 năm 2021 - 2025).

Để việc đánh giá xã, thị trấn phù hợp với trẻ em trên địa bàn huyện trong năm 2022 đạt kết quả cao nhất, UBND huyện hướng dẫn quy trình tổ chức đánh giá, quy định tiêu chuẩn, trình tự đánh giá và công nhận xã, thị trấn phù hợp với trẻ em để UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

**1. Tiêu chí đánh giá:** (Phụ lục 01 kèm theo)

**2. Điều kiện công nhận**

Căn cứ quy định của Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 03/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định số điểm để công nhận xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, thị trấn phù hợp với trẻ em (***phải đạt đủ 13 tiêu chí theo quy định, không có tiêu chí nào bị 0 điểm***) và đạt tổng số điểm theo quy định sau:

+ Xã, thị trấn thuộc miền núi, hải đảo; xã đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ: Đạt từ 800 điểm trở lên.

+ Xã, thị trấn còn lại: Đạt từ 850 điểm trở lên.

**3. Thời gian, trình tự đánh giá xã, thị trấn phù hợp với trẻ em**

- Việc đánh giá xã, thị trấn phù hợp với trẻ em được thực hiện vào tháng 11 năm 2022 và tháng 11 năm 2024. (***Số liệu thống kê các Tiêu chí***

*1,2,4,6,7,8,9,10,11,12,13 được thu thập trong năm 2022 và năm 2024; Số liệu thống kê Tiêu chí 3,5 được thu thập trong kỳ đánh giá (tính từ thời điểm Kế hoạch số 96/KH-UBND ngày 30/10/2020 của UBND huyện ban hành đến thời điểm đánh giá)).*

- Công chức Văn hóa - xã hội chuyên trách theo dõi về Lao động - Thương binh và Xã hội (hoặc công chức Lao động - Thương binh và Xã hội) trình Chủ tịch UBND cấp xã, thị trấn thành lập Hội đồng đánh giá bao gồm: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND cấp xã, thị trấn là Chủ tịch Hội đồng; các thành viên gồm: Công chức Văn hóa - Xã hội chuyên trách theo dõi về Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc công chức Lao động - Thương binh và Xã hội (ủy viên thường trực), Trưởng công an, Trạm trưởng Trạm y tế, Công chức Tư pháp - Hộ tịch, Hiệu trưởng trường mầm non, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ, người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã, thị trấn, đại diện thôn và tương đương.

- Họp Hội đồng đánh giá: Các thành viên căn cứ nhiệm vụ được giao thu thập số liệu, chấm điểm và báo cáo tình hình thực hiện các tiêu chí liên quan. Cuộc họp của Hội đồng đánh giá phải được ghi chép bằng biên bản; có kết luận của Chủ tịch Hội đồng nêu rõ xã, thị trấn đạt hay không đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

- Chủ tịch UBND cấp xã, thị trấn ký duyệt báo cáo đánh giá tình hình thực hiện tiêu chuẩn xã, thị trấn phù hợp với trẻ em gửi UBND huyện trước ngày **15 tháng 11 năm 2022**.

#### **4. Thời gian, trình tự xét duyệt, công nhận xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, thị trấn phù hợp với trẻ em**

- Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trình Chủ tịch UBND huyện thành lập Hội đồng xét duyệt bao gồm: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND huyện là Chủ tịch Hội đồng; các thành viên gồm đại diện lãnh đạo các phòng, đơn vị: Lao động - Thương binh và Xã hội (ủy viên thường trực), Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa & Thông tin, Y tế, Công an, Tư pháp, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp phụ nữ.

- Họp Hội đồng xét duyệt: các thành viên Hội đồng xét duyệt có nhiệm vụ xem xét báo cáo của các xã, thị trấn và xác định số điểm đạt được cho từng tiêu chí. Cuộc họp của Hội đồng xét duyệt phải được ghi chép bằng biên bản, có kết luận của Chủ tịch Hội đồng nêu rõ xã, thị trấn đạt hay không đạt tiêu chuẩn xã, thị trấn phù hợp với trẻ em.

- Công nhận xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, thị trấn phù hợp với trẻ em: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp danh sách xã, thị trấn đạt điều kiện công nhận xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, thị trấn phù hợp với trẻ em, trình Chủ tịch UBND huyện xem xét và ký quyết định công nhận xã, thị trấn phù hợp với trẻ em trước ngày **25 tháng 11 năm 2022**.

- UBND huyện gửi quyết định công nhận cho các xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, thị trấn phù hợp với trẻ em trước ngày **10 tháng 12 năm 2022**.

Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện tổ chức đánh giá xã, thị trấn phù hợp với trẻ em theo Kế hoạch số 96/KH-UBND ngày 30/10/2020 của UBND huyện đảm bảo tính dân chủ, công bằng, công khai và đúng thời gian quy định./.

Nơi nhận: *phu*

- Như kính gửi;
- Sở LĐTBXH;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Lưu: VT. *phu*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thiên Tùng**

## PHỤ LỤC

Tiêu chí đánh giá xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em theo Kế hoạch số 96/KH-UBND ngày 30/10/2020 của UBND huyện Vĩnh Linh

Tên gọi của tiêu chí	Cách tính và thang điểm	Số điểm
<p><b>Tiêu chí 1:</b> Nguồn lực thực hiện quyền trẻ em</p>	<p>1. Có bố trí người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã: 50 điểm</p> <p>2. Có bố trí cộng tác viên bảo vệ trẻ em tại thôn, làng, bản, tổ dân phố, khu phố, khóm (sau đây gọi chung là thôn và tương đương): 15 điểm</p> <p>3. Có ban bảo vệ trẻ em hoặc nhóm chuyên trách bảo vệ trẻ em cấp xã thực hiện tốt chế độ giao ban, đánh giá định kỳ hàng tháng, quý, năm: 15 điểm</p> <p>4. Có kinh phí (ngân sách nhà nước và vận động xã hội) chăm lo cho trẻ em tại địa phương: 20 điểm</p>	100
<p><b>Tiêu chí 2:</b> Trẻ em được khai sinh đúng quy định</p>	<p>Tính theo tỷ lệ trẻ em được khai sinh đúng quy định:</p> <p>1. Từ 98% trở lên: 50 điểm</p> <p>2. Từ 90% đến dưới 98%: 40 điểm</p> <p>3. Từ 80% đến dưới 90%: 30 điểm</p> <p>4. Dưới 80%: 20 điểm</p>	50
<p><b>Tiêu chí 3:</b> Trẻ em bị xâm hại</p>	<p>Tính theo tỷ suất trẻ em bị xâm hại (là số trẻ em bị xâm hại dưới các hình thức mà người xâm hại trẻ em bị xử lý hành chính hoặc hình sự trên 1.000 trẻ em):</p> <p>1. Trên địa bàn xã, phường, thị trấn có trẻ em bị xâm hại tình dục hoặc trẻ em bị bạo lực đến mức người xâm hại trẻ em bị xử lý hình sự: 0 điểm</p> <p>2. Trên địa bàn xã, phường, thị trấn không có trẻ em bị xâm hại tình dục hoặc trẻ em bị bạo lực đến mức người xâm hại trẻ em bị xử lý hình sự và tỷ suất trẻ em bị xâm hại trong kỳ đánh giá:</p> <p>a, Dưới 1/1.000: 125 điểm</p> <p>b, Từ 1 đến dưới 3/1.000: 100 điểm</p> <p>c, Từ 3 đến dưới 5/1.000: 75 điểm</p> <p>d, Từ 5 đến dưới 7/1.000: 50 điểm</p>	125

	đ, Từ 7/1.000 trở lên: 30 điểm	
<b>Tiêu chí 4:</b> Trẻ em vi phạm pháp luật, nghiện ma túy	<p>Tính theo tỷ suất trẻ em vi phạm pháp luật (là số trẻ em vi phạm pháp luật đến mức phải xử lý hình sự, phải áp dụng biện pháp xử lý hành chính: giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đưa vào trường giáo dưỡng; đang bị áp dụng biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính quản lý tại gia đình và trẻ em nghiện ma túy đang áp dụng biện pháp cai nghiện, điều trị tại cơ sở cai nghiện, gia đình, cộng đồng trên 1.000 trẻ em):</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Dưới 1/1.000: 50 điểm</li> <li>2. Từ 1 đến dưới 2/1.000: 40 điểm</li> <li>3. Từ 2 đến dưới 5/1.000: 30 điểm</li> <li>4. Từ 5 đến dưới 7/1.000: 20 điểm</li> <li>5. Từ 7/1.000 trở lên: 10 điểm</li> </ol>	50
<b>Tiêu chí 5:</b> Trẻ em bị tai nạn, thương tích	<p>Tính theo tỷ suất trẻ em bị tai nạn, thương tích (là số trẻ em bị tai nạn, thương tích dẫn đến tử vong hoặc bị khuyết tật theo quy định của pháp luật về người khuyết tật trên 1.000 trẻ em):</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trên địa bàn xã, phường, thị trấn có trẻ em bị tử vong do tai nạn, thương tích: 0 điểm</li> <li>2. Trên địa bàn xã, phường, thị trấn không có trẻ em bị tử vong do tai nạn, thương tích và tỷ suất trẻ em bị tai nạn, thương tích: <ol style="list-style-type: none"> <li>a, Dưới 0,25/1.000: 100 điểm</li> <li>b, Từ 0,25 đến dưới 0,5/1.000: 75 điểm</li> <li>c, Từ 0,5/1.000 trở lên: 50 điểm</li> </ol> </li> </ol>	100
<b>Tiêu chí 6:</b> Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tính theo tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp: <ol style="list-style-type: none"> <li>a, Từ 95% trở lên: 50 điểm</li> <li>b, Từ 90% đến dưới 95%: 40 điểm</li> <li>c, Từ 80% đến dưới 90%: 30 điểm</li> <li>d, Từ 70% đến dưới 80%: 20 điểm</li> <li>đ, Dưới 70%: 10 điểm</li> </ol> </li> <li>2. Tính theo tỷ lệ các vụ việc trẻ em bị xâm hại tình dục, bỏ rơi, mua bán được Chủ tịch UBND cấp xã, phường, thị trấn phê duyệt kế hoạch can thiệp, hỗ</li> </ol>	125

	<p>trợ kịp thời:</p> <p>a, 100%: 75 điểm</p> <p>b, Từ 75% đến dưới 100%: 60 điểm</p> <p>c, Từ 50% đến dưới 75%: 40 điểm</p> <p>d, Dưới 50%: 0 điểm</p>	
<p><b>Tiêu chí 7:</b></p> <p>Trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin theo chương trình tiêm chủng mở rộng</p>	<p>Tính theo tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin thuộc chương trình tiêm chủng mở rộng (là số trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng so với tổng số trẻ em dưới 1 tuổi):</p> <p>1. Từ 98% trở lên: 50 điểm</p> <p>2. Từ 90% đến dưới 98%: 40 điểm</p> <p>3. Từ 80% đến dưới 90%: 30 điểm</p> <p>4. Dưới 80%: 10 điểm</p>	50
<p><b>Tiêu chí 8:</b></p> <p>Trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thể thấp còi</p>	<p>1. Tính theo tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (cân nặng theo độ tuổi):</p> <p>a, Dưới 10%: 45 điểm</p> <p>b, Từ 10% đến dưới 14%: 35 điểm</p> <p>c, Từ 14% trở lên: 25 điểm</p> <p>2. Tính theo tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi):</p> <p>a, Dưới 20%: 30 điểm</p> <p>b, Từ 20% đến dưới 24%: 20 điểm</p> <p>c, Từ 24% trở lên: 10 điểm</p>	75
<p><b>Tiêu chí 9:</b></p> <p>Trẻ em được khám sức khỏe định kỳ</p>	<p>Tính theo tỷ lệ trẻ em được khám sức khỏe định kỳ (là số trẻ em được khám sức khỏe định kỳ ít nhất một lần trong năm trên tổng số trẻ em):</p> <p>1. Từ 80% trở lên: 50 điểm</p> <p>2. Từ 70% đến dưới 80%: 40 điểm</p> <p>3. Từ 60% đến dưới 70%: 30 điểm</p> <p>4. Từ 50% đến dưới 60%: 20 điểm</p> <p>5. Dưới 50%: 10 điểm</p>	50
<p><b>Tiêu chí 10:</b></p> <p>Trẻ em đến</p>	<p>Tính theo tỷ lệ trẻ em đến trường, lớp mầm non:</p> <p>1. Từ 90% trở lên: 75 điểm</p>	75

trường, lớp mầm non	<ol style="list-style-type: none"> <li>2. Từ 80% đến dưới 90%: 65 điểm</li> <li>3. Từ 70% đến dưới 80%: 55 điểm</li> <li>4. Dưới 70%: 40 điểm</li> </ol>	
<b>Tiêu chí 11:</b> Trẻ em được thực hiện quyền tham gia của trẻ em	Tính theo việc tổ chức hoạt động thực hiện quyền tham gia của trẻ em (diễn đàn trẻ em, thăm dò ý kiến trẻ em, câu lạc bộ quyền trẻ em, hội đồng trẻ em, chương trình, hoạt động do trẻ em khởi xướng và thực hiện, các hình thức khác theo quy định) và tỷ lệ trẻ em tham gia: <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ 20% trở lên: 75 điểm</li> <li>2. Từ 15% đến dưới 20%: 60 điểm</li> <li>3. Từ 10% đến dưới 15%: 50 điểm</li> <li>4. Dưới 10%: 40 điểm</li> </ol>	75
<b>Tiêu chí 12:</b> Hoạt động vui chơi, giải trí, văn hóa, thể dục, thể thao dành cho trẻ em	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tính theo tỷ lệ thôn và tương đương có Nhà văn hóa - Khu thể thao dành tối thiểu 30% thời gian sử dụng để tổ chức các hoạt động vui chơi, giải trí, thể dục, thể thao dành cho trẻ em:             <ol style="list-style-type: none"> <li>a, Từ 70% trở lên: 45 điểm</li> <li>b, Từ 50% đến dưới 70%: 30 điểm</li> <li>c, Dưới 50%: 20 điểm</li> </ol> </li> <li>2. Tổ chức ít nhất 02 hoạt động vui chơi, giải trí, văn hóa, thể dục, thể thao cho trẻ em (ngày quốc tế thiếu nhi 1/6, tháng hành động vì trẻ em, tết Trung thu,...): 30 điểm</li> </ol>	75
<b>Tiêu chí 13:</b> Mức độ hài lòng của trẻ em và người dân về việc thực hiện quyền trẻ em	Thang điểm: Tính theo tỷ lệ người dân và trẻ em hài lòng về việc thực hiện quyền trẻ em tại địa phương (là số người dân và trẻ em hài lòng trên tổng số người dân và trẻ em được hỏi ý kiến thông qua một hoặc các hình thức: phiếu lấy ý kiến, cuộc họp, gặp mặt, đối thoại hoặc hình thức phù hợp khác): <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ 80% trở lên: 50 điểm</li> <li>2. Từ 70% đến dưới 80%: 40 điểm</li> <li>3. Từ 60% đến dưới 70%: 30 điểm</li> <li>4. Từ 50% đến dưới 60%: 20 điểm</li> <li>5. Dưới 50%: 10 điểm</li> </ol>	50